

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/06/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1	420	RP2+BK14+CTK3	7:25	20+1+0	0+0+0		18+0+2	0+0+0			
2	424	TD3+P1+P4	7:25	9+7+6	0+0+0		4+6+12	0+0+0			
3	420	P2+P9	9:25	15+6	0+0		14+8	0+0			
4	424	RP2+TD5+P10	9:25	6+10+6	0+0+0		0+8+14	0+0+0			

TTBDSX 

1/5 NGƯỜI TD3 VỀ QUA TDS



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25-Jun-17	TO: RP2 - BK14 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHai - MMinh - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIỆP PHI	RP2					75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN BA LUONG	RP2	55	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
3	LE ANH XUAN	RP2	56	1	3	40	70	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN DOANH	RP2	59	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG THUY	RP2					68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN HAU	RP2	61	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN BINH	RP2	60	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	KHONG VU NGHIA	RP2	54	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC TUAN	RP2	63	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM NAM HAI	RP2	66	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN PHI HUNG	RP2	62	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
12	LE XUAN TUYEN	RP2					61	KHOAN	Vietnamese
13	LE LONG	RP2	67	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
14	TA BA HOAN	RP2	64	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG HUE	RP2	65	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	LE NGOC LUAN	RP2	57	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH CHÍ CÔNG	RP2	53	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
18	LE HUU HAU	RP2	58	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN THANH QUANG	RP2	69	1	5		69	VIET PHAT	Vietnamese
20	LE HONG DAN	RP2	68	1	11		70	Y TE	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TUYEN	RP2	72	1	10		65	DIA VLY	Vietnamese
22	PHAM HUU KHIEM	BK14	13	1	15	25	73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	21	18	108	1.411	40	18		
2	BK14	1	1	15	73	25	0		
3	CTK3	0	0	0	0	18	2		
TOTAL		22	19	123	1.484	83	20		
WEIGHT KG				123	1.484	83			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/06/2017	TO: TD3 - P1 - P4	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Cương - TDUNG - thông -	ETA: 09:15
CAM-1		THAO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM CUONG	TD3	34	1	11		83	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN HUU THO	TD3	30	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
3	NGO DINH HUNG THAI	TD3	31	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM HUNG DUONG	TD3	32	1	3		92	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN MANH HUNG	TD3	28	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
6	HUYNH AI HUU	TD3	33	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	VU HUNG ANH	TD3	29	1	4	12	75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN THANG LOI	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
9	LE MANH THANG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN TRUONG	P1	74	1	6		66	PSV	Vietnamese
11	PHAN TRONG MINH	P1	71	1	4		67	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THONG	P1	72	1	3		59	PSV	Vietnamese
13	TRAN QUANG QUYEN	P1	69	1	5	50	70	ĐANG KIEN	Vietnamese
14	BAEV	P1	73	1	7		83	ANTOAN	Russian
15	TRAN DUY HIEU	P1	70	1	6		62	PSV	Vietnamese
16	ĐAO VAN DUNG	P1					65	PSV	Vietnamese
17	PHAM VAN TU	P4	97	1	5		54	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGHI	P4	900	1	3	35	69	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VIET DUNG	P4	98	1	5		78	PSV	Vietnamese
20	BUI VAN MUOI	P4	96	1	5		57	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TRUNG THANG	P4	95	1	12		82	PSV	Vietnamese
22	PHAM ĐUC CANH	P4	99	1	3		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	9	7	40	688	12	4		
2	P1	7	6	31	472	50	6		
3	P4	6	6	33	390	35	12		
TOTAL		22	19	104	1.550	97	22		
WEIGHT KG				104	1.550	97			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25-Jun-17	TO: P2 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHai - MMinh - NNam	ETA: 11:10
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC QUANG	P2	18	1	4		67	PSV	Vietnamese
2	VŨ VĂN TIEN	P2	31	1	3		62	PSV	Vietnamese
3	TRẦN THANH LIEM	P2	99	1	7		67	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SƠN	P2	100	1	9		64	KHAITHAC	Vietnamese
5	HOANG VAN THE	P2	96	1	6		62	CODIEN	Vietnamese
6	LE VAN KIEM	P2	94	1	9		80	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÂN	P2	400	1	8	90	60	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BAO	P2	99	1	5		57	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	P2	95	1	12		56	CODIEN	Vietnamese
10	ĐÀO CHI THANH	P2	1099	1	12		80	CODIEN	Vietnamese
11	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	P2	93	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN KIM BÌNH	P2	98	1	8		91	ANTOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HIỆP	P2	32	1	5		74	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	44	1	6		54	PSV	Vietnamese
15	HOANG QUỐC LONG	P2	97	1	5		58	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	98	1	5		56	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	54	1	5	50	66	PSV	Vietnamese
18	PHẠM CÔNG TUẤN	P9	99	1	4		61	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN NHÂN	P9	69	1	5		74	YTE	Vietnamese
20	VƯƠNG THỊ LAN	P9	800	1	3		62	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HUU TUYET	P9	70	1	3		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	15	104	1.002	90	14		
2	P9	6	6	25	374	50	8		
TOTAL		21	21	129	1.376	140	22		
WEIGHT KG				129	1.376	140			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/06/2017	TO: RP2 - TD5 - P10	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Cương - TDUNG - thông -	ETA: 11:15
XANH-2		THẢO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SALAKHOV	RP2	73	1	11		97	ANTOAN	Russian
2	NGUYEN VAN BAN	RP2	08	1	15		67	HDONG	Vietnamese
3	TRẦN VĂN GIANG	RP2	78	1	8		77	DVL	Vietnamese
4	DUƠNG TRUNG KIẾN	RP2	76	1	8		60	DVL	Vietnamese
5	VŨ NGỌC TIẾN	RP2	77	1	7	75	70	DVL	Vietnamese
6	DOAN XUAN CUONG	RP2	74-75	2	7		70	CO DIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VU QUOC	TD5	83	1	9		63	DVL	Vietnamese
8	CŨ NGỌC HỒNG	TD5	76	1	10		72	DVL	Vietnamese
9	VŨ VĂN KHUÊ	TD5	78	1	8		57	DVL	Vietnamese
10	LÊ HOÀI THIÊN	TD5	80	1	12		74	DVL	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THUẬT	TD5	84	1	16		67	DVL	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH TUẤN	TD5	77	1	12		78	DVL	Vietnamese
13	LÊ VĂN BAO	TD5	79	1	14		57	DVL	Vietnamese
14	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	TD5	81	1	13		83	DVL	Vietnamese
15	TRẦN ANH TUẤN	TD5	82	1	10		74	DVL	Vietnamese
16	LÊ PHÚ PHÚC	TD5	85	1	7		88	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LUY	P10	41	1	6		65	PSV	Vietnamese
18	BUI QUANG RẠNG	P10	45	1	2		78	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VIỆT LY	P10	46-47	2	11		77	PSV	Vietnamese
20	IVANOV V.V	P10	48-49	2	20		104	KHAITHAC	Russian
21	TRẦN VĂN MINH	P10	44	1	5		84	PSV	Vietnamese
22	ĐO XUAN CHINH	P10	42-43	2	12		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	6	7	56	441	75	0		
2	TD5	10	10	111	713	0	8		
3	P10	6	9	56	473	0	14		
TOTAL		22	26	223	1.627	75	22		
WEIGHT KG				223	1.627	75			

GRAND TOTAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN